

Số: 1899 /QĐ-TTTV-TTBVTV

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành “Quy trình Canh tác sầu riêng bền vững,
bảo đảm an toàn thực phẩm”**

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy trình Canh tác sầu riêng bền vững, bảo đảm an toàn thực phẩm”.

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành;
- Chánh Văn phòng Cục, các Phòng, Trung tâm thuộc Cục, Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh trồng sầu riêng, tổ chức cá nhân liên quan đến sản xuất sầu riêng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc xin gửi về Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để chỉnh sửa bổ sung./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Hoàng Trung (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng;
- Trung tâm TT&BVTV: miền Trung, phía Nam;
- Lưu: VT, TTBVTV.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Quốc Mạnh

QUY TRÌNH

Canh tác sầu riêng bền vững, bảo đảm an toàn thực phẩm

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1899 /QĐ-TT-TV-TTBVTV
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*

Phần I

QUI ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy trình này áp dụng trong canh tác sầu riêng bền vững, bảo đảm an toàn thực phẩm cho các vùng sản xuất sầu riêng chính trên toàn quốc.

2. Tài liệu viện dẫn và căn cứ xây dựng quy trình

2.1. Tài liệu viện dẫn

- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất;
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;
- QCVN 01-189:2019/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón.

2.2. Căn cứ xây dựng quy trình

- Quy trình kỹ thuật xử lý ra hoa trái vụ cho cây sầu riêng cho các tỉnh Nam Bộ (Quyết định số 264/QĐ-TT-VPPN ngày 27/12/2021 của Cục Trồng trọt);
- Quy trình kỹ thuật thâm canh tổng hợp một số giống sầu riêng tại Tây Nguyên (Quyết định số 95/QĐ-TT-CCN ngày 11/5/2022 của Cục Trồng trọt);
- Quy trình kỹ thuật thâm canh tổng hợp cây sầu riêng cho các tỉnh Nam Bộ (Quyết định số 116/QĐ-TT-VPPN ngày 20/3/2023 của Cục Trồng trọt);
- Quy trình tạm thời kỹ thuật cắt tỉa hoa, quả và thu hoạch sầu riêng (Quyết định số 362/QĐ-TT-CCN, ngày 9/10/2023 của Cục Trồng trọt);
- TCVN 13268-4:2021. Bảo vệ thực vật - Phương pháp điều tra sinh vật gây hại - Phần 4: Nhóm cây ăn quả;
- TCCS 1006:2025/BVTV - Quy trình quản lý tổng hợp sinh vật gây hại (IPM) trên cây sầu riêng;
- Sổ tay Hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây sầu riêng theo VietGAP (Cục Trồng trọt, GIZ, 2021);
- Sổ tay Hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây sầu riêng thích ứng với biến đổi khí hậu (Cục Trồng trọt, Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi, 2021).

3. Yêu cầu về điều kiện canh tác sầu riêng

3.1. Yêu cầu sinh thái

- Nhiệt độ: cây sầu riêng sinh trưởng phát triển tốt nhất ở nhiệt độ từ 24 - 30°C;
- Ánh sáng: giai đoạn mới trồng cần đảm bảo ánh sáng 70 - 80 %. Từ năm thứ 2 trở đi cần đảm bảo lượng ánh sáng hoàn toàn;
- Ẩm độ không khí: từ 75 - 85 % thích hợp nhất để trồng sầu riêng;
- Lượng mưa: lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.500 - 2.000 mm/năm;
- Gió: phù hợp cho vùng ít gió, gió mạnh ảnh hưởng thụ phấn, làm rụng lá, quả, khô ngon, gãy cành đặc biệt giai đoạn cây mang quả. Có thể trồng cây chắn gió để hạn chế gió gây đổ ngã, rụng trái đối với các khu vực thường có gió mạnh.

3.2. Yêu cầu về đất và lựa chọn địa điểm trồng

- Yêu cầu về đất trồng:
 - + Đất trồng đảm bảo quy định tại QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất;
 - + Cây sầu riêng có thể trồng trên nhiều loại đất như nhóm đất phù sa, đất đỏ vàng, đất xám, đất phèn, đất mặn ít. Yêu cầu đất có tầng canh tác sâu >1 m, không xuất hiện đá lẫn ở độ sâu < 3m; khả năng thoát nước tốt, không bị ngập úng; pH đất thích hợp nhất từ 5,5 - 6,5;
 - + Độ cao, địa hình: thích hợp trồng ở vùng có độ cao dưới 900 m so với mặt nước biển. Chọn đất có khả năng tiêu thoát nước tốt. Đối với vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ chọn đất có độ dốc <15°.
 - Vùng trồng mới cần thực hiện đánh giá nguy cơ gây ô nhiễm hóa học và sinh học từ các hoạt động trước đó và từ các khu vực xung quanh; Lựa chọn địa điểm trồng mới sầu riêng phải giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm khói, bụi, chất thải, hóa chất độc hại từ hoạt động giao thông, công nghiệp, làng nghề, khu dân cư, bệnh viện, khu chăn nuôi, cơ sở giết mổ, nghĩa trang, bãi rác và các hoạt động gây ô nhiễm khác. lấy mẫu đất phân tích hàm lượng kim loại nặng trong đất trước khi trồng để đảm bảo các kim loại nặng như arsen (As), chì (Pb), thủy ngân (Hg) và đặc biệt là Cadimi (Cd), trong đất không vượt quá ngưỡng quy định cho đất loại 1 trong QCVN 03:2023/BTNMT).
 - Đối với các vườn sầu riêng đã trồng phát hiện có hàm lượng kim loại nặng trong đất trồng vượt quá qui định cho đất loại 1 trong QCVN 03:2023/BTNMT cần áp dụng các biện pháp kiểm soát tại mục 4.2.3 Phần II của quy trình này.

3.3. Yêu cầu nước tưới

- Trước khi trồng và trong quá trình canh tác sầu riêng phải phân tích nguồn nước tưới;

- Nước tưới phải đảm bảo đúng quy định tại QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

- Trường hợp sử dụng nước dưới đất tưới cho sầu riêng, phải đảm bảo QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

- Hàng năm nên lấy mẫu nước ít nhất một lần để phân tích hàm lượng kim loại nặng như arsen (As), chì (Pb), thủy ngân (Hg), Cadimi (Cd), ... Chỉ tưới khi nước đảm bảo đúng giới hạn quy định tại QCVN 08:2023/BTNMT, QCVN 09:2023/BTNMT hoặc các QCVN đối với các loại nước khác sử dụng trong sản xuất nông nghiệp;

- Chỉ số pH nước tưới phù hợp: từ 5,8 - 8,5 đối với nước ngầm và từ 6 - 8,5 đối với nước mặt.

Lưu ý: sầu riêng là cây mặn cảm với mặn, chỉ nên tưới nước có độ mặn <0,5‰, nếu phải sử dụng cần hạn chế tưới nhiều lần, liên tục.

3.4. Yêu cầu về giống

- Sử dụng các giống sầu riêng có quyết định lưu hành, lưu hành đặc cách, tự công bố lưu hành theo quy định như Ri6, DONA, ...;

- Chất lượng giống: đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, vật liệu nhân giống phải được cung cấp từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng được các Sở Nông nghiệp và Môi trường công nhận.

3.5. Yêu cầu về phân bón

- Sử dụng phân bón đã được công nhận lưu hành tại Việt Nam (trừ phân bón hữu cơ sản xuất để sử dụng không vì mục đích thương mại);

- Trường hợp cơ sở tự sản xuất phân bón hữu cơ hoặc sử dụng các thành phần vật liệu hữu cơ tại cơ sở thì phải được xử lý để kiểm soát vi sinh vật gây hại và hàm lượng kim loại nặng (phải tuân thủ mức quy định đối với kim loại nặng theo QCVN 01-189:2019/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón);

- Cần sử dụng phân bón theo nhu cầu dinh dưỡng dựa trên kết quả phân tích các chất dinh dưỡng trong đất, trong nước tưới, đối chiếu với yêu cầu về dinh dưỡng của cây sầu riêng, phải tuân thủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất và quy trình đã được khuyến cáo của cơ quan có chức năng.

Lưu ý:

+ Sử dụng cân đối phân bón vô cơ và phân bón hữu cơ;

+ Đối với phân bón vô cơ, cần sử dụng cân đối, hiệu quả, đúng liều lượng, đặc biệt khi sử dụng các loại phân bón chứa lân (phân DAP, MAP, MKP, phân lân supe phosphat đơn, hỗn hợp NPK, ...). Ưu tiên lựa chọn các loại phân lân được sản xuất từ nguồn quặng apatit/đá phốt phát có hàm lượng Cd thấp (các mỏ quặng apatit của Việt Nam chứa Cd thuộc loại thấp so với nhiều nước trên thế giới);

+ Đối với phân bón hữu cơ sử dụng phân có hàm lượng kim loại nặng dưới ngưỡng cho phép ($As \leq 10 \text{ mg/kg}$ hoặc mg/l , $Cd \leq 5 \text{ mg/kg}$ hoặc mg/l , $Hg \leq 2 \text{ mg/kg}$ hoặc mg/l , $Pb \leq 200 \text{ mg/kg}$ hoặc mg/l), ưu tiên sử dụng các phân bón sản xuất từ nguyên liệu chính là phụ phẩm cây trồng hơn các phân bón sản xuất từ nguyên liệu chính là bùn thải, rác thải đô thị, chất thải gia súc, gia cầm nuôi công nghiệp vì các nguyên liệu này có thể chứa các kim loại nặng (As , Cd , Pb , ...) với hàm lượng cao.

3.6. Yêu cầu về bảo vệ thực vật

- Áp dụng biện pháp quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), hoặc quản lý cây trồng tổng hợp (ICM);

- Trường hợp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc điều hòa sinh trưởng (rải vùi)) phải sử dụng thuốc trong Danh mục được phép sử dụng tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

3.7. Thời vụ trồng

- Với các tỉnh vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ: thích hợp trồng từ tháng 6 đến tháng 8 hàng năm;

- Với các tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ: thích hợp trồng đầu mùa mưa (từ tháng 9 đến tháng 10 hàng năm);

- Với các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long: thích hợp trồng đầu mùa mưa (từ tháng 6 đến tháng 10 hàng năm).

3.8. Mật độ và khoảng cách trồng

a) Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: khoảng cách trồng $7 \times 7 \text{ m}$ hoặc $6 \times 8 \text{ m}$ (170 - 190 cây/ha);

- Lên liếp, đào mương: liếp đơn rộng 6 - 7 m (trồng một hàng) hoặc liếp đôi rộng 8 - 9 m (trồng 2 hàng, trồng dạng nanh sấu). Mương (rộng 1,5 - 2,0 m, sâu 1,0 - 1,2 m);

- Vườn lên liếp:

+ Đưa lớp đất mặt làm lớp đất mặt của liếp, đưa lớp đất sâu của mương làm chân liếp, đắp mô trên liếp;

+ Kích thước mô: mặt mô (đường kính 0,8 - 1,0 m), đáy mô (đường kính 1,0 - 1,4 m), chiều cao mô $\geq 1,0 \text{ m}$ (hàng năm bồi đắp, mở rộng mô theo tán cây).

- Vườn lên từ đất ruộng:

+ Làm mô trước khi đào mương lên liếp (sử dụng lớp đất mặt ruộng làm mô).

+ Kích thước mô: mặt mô (đường kính 0,8 - 1,0 m), đáy mô (đường kính 1,2 - 1,4 m), chiều cao mô $\geq 1,2 \text{ m}$ (hàng năm bồi đắp, mở rộng mô theo tán cây).

Lưu ý: Vườn có nguy cơ bị xâm nhập mặn, cần thiết kế mương trữ nước ngọt đủ tưới cho 3 tháng trong mùa khô.

b) Vùng Đông Nam Bộ: khoảng cách trồng 8 x 10 m, 8 x 8 m (khoảng 150 cây/ha).

Thiết kế liếp trồng song song dọc theo độ dốc của vườn, chiều rộng liếp từ 6 - 7 m trồng hàng đơn. Nếu đất có độ dốc $> 2^{\circ}$ - 5° nên đắp mô cao: 0,2 m, rộng mô 0,6 m và không làm mô nếu độ dốc $> 5^{\circ}$.

Lưu ý: việc làm mô cần thực hiện hoàn chỉnh trước khi trồng cây 2 - 3 tuần.

c) Vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ: trên đất đỏ bazan khoảng cách trồng 8 x 9 m (138 cây/ha), trên các loại đất đỏ vàng khác hoặc đất có độ dốc $> 20^{\circ}$ khoảng cách trồng 7 x 7 m hoặc 6 x 8 m (204 - 208 cây/ha);

- Vùng đất thấp, thoát nước kém: thiết kế mương thoát nước trong và xung quanh vườn sâu riêng. Giữa các hàng cây bố trí các mương cạn để thoát nước trong vườn. Nên đắp luống cao từ 0,4 - 0,5 m, rộng khoảng 3 - 4 m cho mỗi hàng sâu riêng;

- Vùng đất có độ dốc $> 20^{\circ}$ cần thiết kế hàng trồng theo đường đồng mức, độ rộng đường đồng mức tối thiểu là 3 m.

Phần II

NỘI DUNG QUY TRÌNH

4. Kỹ thuật chăm sóc và quản lý vườn

4.1. Chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản

4.1.1. *Tỉa cành, tạo tán:* thực hiện ngay từ năm thứ nhất, tỉa bỏ các chồi mọc từ gốc ghép, cành mọc thấp, mọc đứng. Tỉa để lại một thân mọc thẳng đứng với các cành mọc ngang (70° - 90°) đều về các hướng. Khi cây còn nhỏ, để khoảng cách giữa các cành cấp 1 từ 8 - 10 cm, khi cây lớn để > 30 cm.

4.1.2. *Tưới nước:* thường xuyên tưới nước, giữ ẩm, không sử dụng nước tưới có độ mặn $\geq 0,5\text{‰}$.

4.1.3. *Tủ gốc giữ ẩm:* sử dụng rơm, cỏ khô, ..., phủ kín đất quanh gốc 1 lớp dày 10 - 20 cm, cách gốc 10 - 50 cm tùy theo độ lớn của cây.

4.1.4. *Trồng xen:*

Trong gian đoạn kiến thiết cơ bản có thể trồng xen với một số cây cây ngắn ngày hoặc cây ăn quả cho thu hoạch sớm như chuối, ổi, ...

4.1.5. *Bón phân:*

a) *Vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ*

- Phân bón hữu cơ: bón 10 - 30 kg phân chuồng hoai mục (bón 1 lần/năm), hoặc bón 5 - 12 kg phân bón hữu cơ/cây/năm (chia thành nhiều lần bón). Liều lượng phân chuồng hoai mục năm thứ 1 tới năm thứ 3 là 10 - 20 kg/cây/năm hoặc 5 - 8 kg/cây/năm phân bón hữu cơ và năm thứ 4 là 25 - 30 kg/cây/năm phân chuồng hoai mục hoặc 8 - 12 kg/cây/năm phân bón hữu cơ. Ưu tiên sử dụng phân bón hữu cơ hoặc phân bón sinh học có chứa Trichoderma và axit humic, liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất để nâng cao sức khỏe đất và hiệu quả sử dụng phân bón;

- Phân bón vô cơ: có thể sử dụng phân đơn (Urê, supe phosphat đơn/lân nung chảy, kali clorua, ...) hoặc phân bón hỗn hợp NPK để bón cho cây giai đoạn kiến thiết cơ bản;

Bảng 1. Lượng phân bón vô cơ bón cho sầu riêng (kg/cây/năm)

Tuổi cây (năm)	Số lần bón/năm	Liều lượng phân bón N, P, K nguyên chất			Lượng phân		
		N	P ₂ O ₅	K ₂ O	Urê	Supe phosphat đơn/lân nung chảy	Kali Clorua
1	6-9	0,2-0,3	0,1-0,2	0,1-0,2	0,4-0,65	0,6-1,2	0,2-0,3
2	4-6	0,3-0,45	0,2-0,3	0,2-0,3	0,65-1,0	1,2-1,9	0,3-0,5
3	4-6	0,45-0,6	0,3-0,4	0,3-0,5	1,0-1,3	1,9-2,5	0,5-0,8
4	4-5	0,6-0,7	0,4-0,5	0,5-0,7	1,3-1,6	2,5-3,1	0,8-1,2
5	4-5	0,75-0,79	0,5-0,6	0,7-0,9	1,6-1,9	3,1-3,7	1,2-1,5

- Bón vôi: nếu đất chua (pH đất <5) cần bón vôi (CaO), lượng bón 0,5 - 1,0 kg/cây/năm vào đầu mùa mưa. Nếu đất có pH > 6,5 không nên bón vôi.

Cách bón: bón phân chuồng hoai mục hoặc phân hữu cơ có thể xới nhẹ vùng rễ và bón vào giai đoạn lá bánh tẻ (lá lụ), sau đó tưới nước. Phân vô cơ được bón khi cây ra lá bánh tẻ sau khi trồng, phân vô cơ nên hòa tan vào nước để tưới vào vùng rễ, sau đó tưới nước đẫm.

b) Vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ

Bảng 2. Lượng phân bón hữu cơ bón cho sầu riêng (kg/cây/năm)

Tuổi cây (năm)	Loại phân bón		Số lần bón
	Phân chuồng ủ hoai mục	Phân bón hữu cơ vi sinh	
1	10 – 20	2 - 3	1
2	20 – 30	3 - 4	1
3	30 – 40	4 - 6	1
4	40 – 50	6 - 8	1

- Phân bón hữu cơ: sử dụng phân chuồng ủ hoai mục hoặc phân bón hữu cơ vi sinh theo liều lượng tại Bảng 2, bón vào đầu mùa mưa; dùng cuốc xẻ tạo rãnh có chiều rộng và sâu 15 - 20 cm theo hình chiếu tán cây, bón phân hữu cơ sau đó lấp đất lại.

- Phân bón vô cơ: sử dụng các loại phân bón vô cơ theo liều lượng, số lần tại Bảng 3. Rải rồi xới nhẹ hoặc chôn thành rãnh theo hình chiếu tán lá; bón khi đất đủ ẩm và tưới đẫm sau bón phân. Nên chia làm nhiều lần bón, nên bón phân kết hợp tưới nước giúp cây sâu riêng hấp thụ phân bón tốt hơn.

Bảng 3. Liều lượng phân bón N, P, K bón cho sầu riêng (kg/cây/năm)

Tuổi cây (năm)	Số lần bón/năm	Liều lượng phân bón N, P, K nguyên chất			Liều lượng phân		
		N	P ₂ O ₅	K ₂ O	Urê	Superphosphat đơn/lân nung chảy	Kali Clorua
1	6-9	0,2-0,3	0,1-0,2	0,1-0,2	0,4-0,65	0,6-1,2	0,2-0,4
2	4-6	0,3-0,45	0,2-0,3	0,2-0,3	0,65-1,0	1,2-1,9	0,4-0,6
3	4-6	0,45-0,6	0,3-0,4	0,35-0,5	1,0-1,3	1,9-2,5	0,6-0,8
4	4-5	0,7-0,9	0,4-0,5	0,6-0,7	1,5-2,0	2,5-3,1	1,0-1,2

- Bón vôi: nếu đất chua (pH đất <5) cần bón vôi (CaO), lượng bón 0,5 - 1,0 kg/cây/năm vào đầu mùa mưa. Nếu đất có pH > 6,5 không nên bón vôi.

4.2. Chăm sóc thời kỳ kinh doanh

4.2.1. Tỉa cành, cố định chiều cao cây

- Sau thu hoạch, tỉa các cành mọc vượt, cành bị sâu bệnh, cành suy yếu, ...
 - Cây có độ tuổi >5 năm, nên cắt ngọn để cố định chiều cao cây. Cắt ngọn chừa lại độ cao cây phù hợp (chiều cao bằng khoảng cách trồng), đảm bảo còn lại tối thiểu 18 cành cấp 1 trên cây (cành cấp 1 có đường kính > 4 cm).

4.2.2. Bón phân

a) Vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ

- Phân hữu cơ: sử dụng phân chuồng hoai mục từ 50 - 100 kg/cây/năm hoặc phân hữu cơ 12 - 20 kg/cây/năm;

- Phân vô cơ:

+ Cây có độ tuổi 6 - 10 năm: lượng phân bón cho 01 cây sầu riêng/năm là 1,4 - 1,6kg N + 1,2 - 1,4kg P₂O₅ + 1,7 - 2,0kg K₂O (lượng phân có thể tăng, giảm 20 - 30% tùy theo năng suất thu hoạch vụ trước và tình hình sinh trưởng của cây). Sử dụng phân đơn hoặc phân phức hợp NPK;

Bảng 4. Lượng phân vô cơ thời kỳ kinh doanh theo giai đoạn (kg/cây/năm)

Lần bón	Thời điểm bón	Lượng bón nguyên chất		
		N	P ₂ O ₅	K ₂ O
Đợt 1	Giai đoạn sau thu hoạch	0,50 - 0,57	0,29 - 0,33	0,25 - 0,30
Lần 1	Sau thu hoạch	0,16 - 0,18	0,09 - 0,11	0,08 - 0,10
Lần 2	Coi đợt 1 già	0,17 - 0,19	0,10 - 0,11	0,08 - 0,10
Lần 3	Coi đợt 2 già	0,17 - 0,20	0,10 - 0,12	0,09 - 0,10
Đợt 2	Giai đoạn trước khi xử lý ra hoa	0,11 - 0,13	0,48 - 0,56	0,36 - 0,42
Đợt 3	Giai đoạn ra hoa	0,42 - 0,48	0,22 - 0,25	0,51 - 0,60
Lần 1	Khi hoa dài 1 cm	0,17 - 0,19	0,10 - 0,11	0,08 - 0,10
Lần 2	14 ngày sau lần 1	0,17 - 0,19	0,10 - 0,11	0,09 - 0,10
Lần 3	Trước khi hoa trổ 10 ngày	0,08 - 0,10	0,02 - 0,03	0,34 - 0,40
Đợt 4	Giai đoạn nuôi quả	0,37 - 0,42	0,21 - 0,25	0,36 - 0,42
Lần 1	2 tuần sau đậu quả	0,09 - 0,10	0,02 - 0,03	0,12 - 0,14
Lần 2	4 tuần sau đậu quả	0,17 - 0,19	0,10 - 0,11	0,09 - 0,10
Lần 3	6 tuần sau đậu quả	0,11 - 0,13	0,10 - 0,11	0,15 - 0,18
Đợt 5	Trước thu hoạch 3-4 tuần	0	0	0,22 - 0,26

+ Cây có độ tuổi >10 năm: sử dụng liều lượng như cây 10 năm tuổi.

- Bón vôi: nếu pH đất <5, sử dụng vôi (CaO), bón 2 - 4 kg vôi/cây/năm, bón vào đầu mùa mưa;

- Phân bón lá: sử dụng phân bón axit humic; các loại phân bón lá có hàm lượng lân, kali cao như MKP, KNO₃, hoặc 10-60-10; các loại phân bón lá chứa các nguyên tố trung vi lượng như Ca, Mg, Bo, S, ..., theo liều lượng khuyến cáo của nhà sản xuất.

Bảng 5. Phương pháp bón phân

Giai đoạn	Cách bón
Giai đoạn sau thu hoạch	- Bón vôi: bón toàn bộ lượng vôi; - Phân bón hữu cơ: phân chuồng hoai mục được bón toàn bộ ngay sau thu hoạch. Nếu sử dụng phân bón hữu cơ bón 60% lượng phân (chia 3 lần bón: sau thu hoạch, coi đợt 1 lứa, coi đợt 2 lứa); - Phân bón vô cơ (đợt 1); - Phân bón lá: sử dụng Humic theo liều lượng khuyến cáo trên bao bì.

Giai đoạn	Cách bón
Giai đoạn trước khi xử lý ra hoa	- Phân bón vô cơ (đợt 2): coi đợt thứ 3 được 3 tuần tuổi tiến hành bón phân tạo mầm hoa; - Phân bón lá: phun phân có hàm lượng lân và kali cao như MKP, KNO_3, hoặc 10-60-10 theo liều khuyến cáo của nhà sản xuất để lá sớm thành thực, giúp quá trình tạo mầm hoa đạt hiệu quả.
Giai đoạn ra hoa	Khi hoa nhú mắt cua (có kích cỡ 0,5-1,0 cm) cần thực hiện như sau: - Phân bón hữu cơ: bón 20% tổng lượng phân bón hữu cơ; - Phân bón vô cơ (đợt 3); - Phân bón lá: giai đoạn hoa đến trước khi hoa nở, phun các loại phân bón lá chứa canxi - Bo + kali theo khuyến cáo để tăng tỷ lệ đậu quả. Nếu cây có đợt non trước khi hoa nở 2 tuần thì phun phân bón lá có kali cao để chặn đợt non phát triển quá mức, giúp hoa thụ phấn, đậu quả tốt.
Giai đoạn nuôi quả	- Phân bón hữu cơ: bón 20% tổng lượng phân bón hữu cơ; - Phân bón vô cơ (đợt 4).
Trước thu hoạch 3 - 4 tuần	- Phân bón vô cơ (đợt 5); - Phân bón lá: bón bổ sung axit humic theo liều lượng khuyến cáo của nhà sản xuất vào thời gian 2 tuần sau hoa nở. Phun phân bón lá $\text{Ca}(\text{NO}_3)_2$ 0,2% (giai đoạn 8 tuần sau khi hoa nở), 2 tuần sau phun MgSO_4 0,2% và phun KNO_3 1% 4 tuần trước khi thu hoạch để tăng chất lượng quả.

Cách bón: phân được rải trên mặt liếp xung quanh gốc theo hình chiếu tán cây, sau đó tưới nước giúp phân tan nhanh.

b) Vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ

- Phân bón hữu cơ: bón 2 lần vào đầu mùa mưa và sau thu hoạch (lượng phân bón theo Bảng 6). Dùng cuốc xẻ rãnh có chiều rộng và sâu 15 - 20 cm theo hình chiếu tán cây, bón phân hữu cơ sau đó lấp đất.

Bảng 6. Lượng phân bón hữu cơ bón cho sầu riêng (kg/cây/năm)

Tuổi cây (năm)	Loại phân bón		Số lần bón
	Phân chuồng ủ hoai mục	Phân bón hữu cơ vi sinh	
5 - 8	50 - 70	8 - 10	1 - 2
8 - trở đi	70 - 100	10 - 15	1 - 2

- Phân bón vô cơ: rải rồi xới nhẹ hoặc chôn thành rãnh theo hình chiếu tán lá; bón khi đất đủ ẩm và tưới đẫm sau bón phân (lượng phân bón theo Bảng 7).

Bảng 7. Lượng phân vô cơ nguyên chất bón cho sầu riêng (kg/cây/năm)

Tuổi cây (năm)	Lượng phân bón nguyên chất				Số lần bón
	N	P ₂ O ₅	K ₂ O	MgO hoặc CaO	
5 - 8	1,4 - 1,6	1,2 - 1,6	1,8 - 2,0	0,1	5
8 - trở đi	1,6 - 2,0	1,2 - 1,6	2,0 - 2,5	0,1	5

- Thời kỳ kinh doanh cần bón phân đầy đủ, đúng thời điểm, tỷ lệ N:P₂O₅:K₂O thay đổi phù hợp theo nhu cầu dinh dưỡng của từng giai đoạn sau thu hoạch, ra hoa, nuôi quả theo Bảng 8 như sau:

Bảng 8. Các giai đoạn bón phân cho sầu riêng (kg/cây/năm)

Lần	Giai đoạn	Thời gian	Lượng phân bón nguyên chất		
			N	P ₂ O ₅	K ₂ O
1	Sau thu hoạch	Tháng 11	0,7	0,6	0,4
2	Trước nở hoa	Tháng 2 - 3	0,2	0,6	0,6
3	Nuôi quả	Tháng 5	0,4	0,2	0,2
4	Nuôi quả	Tháng 6	0,4	0,2	0,4
5	Nuôi quả	Tháng 7	-	-	0,4

Lưu ý: Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp NPK chuyên dùng cho cây ăn quả để thay thế lượng phân đơn, các loại phân bón hữu cơ vi sinh để thay thế cho phân chuồng đã nêu ở trên. Lượng bón, cách bón theo hướng dẫn trên bao bì của nhà sản xuất.

- Bón vôi: nếu pH đất <5, sử dụng vôi (CaO), bón 2 - 4 kg vôi/cây/năm, bón vào đầu mùa mưa;

- Phân bón lá:

+ Giai đoạn tạo mầm hoa: Bổ sung phân bón lá có hàm lượng lân và kali cao MKP, KNO₃, 10 - 60 - 10 theo hướng dẫn của nhà sản xuất; để lá sớm thành thực giúp quá trình tạo mầm hoa hiệu quả;

+ Giai đoạn ra hoa, đậu quả non: Trước khi xổ nhụy, phun phân bón lá có chứa Canxi - Bo + Kali theo hướng dẫn của nhà sản xuất để tăng tỷ lệ đậu quả;

+ Giai đoạn trước thu hoạch: Trước thu hoạch 1 tháng, phun KNO₃ với nồng độ 1%, giúp tăng phẩm chất quả sầu riêng lúc thu hoạch, hạn chế hiện tượng sượng cơm.

4.2.3. Quản lý dư lượng kim loại nặng

- Lấy mẫu đất, mẫu nước phân tích kim loại nặng hàng năm để sớm xác định nguy cơ ô nhiễm và có biện pháp khắc phục (đặc biệt Cd); Hàm lượng kim loại nặng tối đa được quy định tại mục 3.2 và 3.3;

- Vườn giai đoạn kiến thiết cơ bản và kinh doanh: lấy mẫu đất, nước 1 lần/năm (Mẫu đất lấy vào thời điểm đầu mùa mưa, mẫu nước vào đầu mùa khô);

- Áp dụng biện pháp quản lý và giảm kim loại nặng trong đất (Cd):

+ Sử dụng thực vật hấp thụ Cd: trồng luân canh hoặc xen canh với các loại cây có khả năng hấp thụ Cd cao như cỏ Vetiver, cây dương xỉ, Sau thu hoạch cần được thu gom, đốt hoặc xử lý chôn lấp an toàn;

+ Ứng dụng vi sinh vật: các chủng vi sinh vật như *Bacillus cereus*, *Pseudomonas striata*, *Trichoderma viride*, *Aspergillus niger*, ...; có thể cô lập hoặc chuyển hóa Cd thành dạng không độc, giảm khả năng hấp thụ vào cây;

+ Bổ sung axit humic: axit humic giúp tạo phức với Cd trong đất, giảm tính di động và khả năng cây hấp thụ Cd. Hiệu quả tăng rõ rệt khi đất có pH trung tính.

+ Với vùng ô nhiễm Cd cao, có thể sử dụng than sinh học kết hợp axit humic để khử bớt Cd. Sau xử lý cần phục hồi hệ sinh thái đất;

+ Không sử dụng các loại phân có nguy cơ để lại Cd cao;

+ Sử dụng cân đối giữa phân bón hữu cơ và phân bón vô cơ, đúng liều lượng, đặc biệt khi sử dụng các loại phân bón chứa lân (phân DAP, MAP, MKP, phân lân supe phosphat đơn, hỗn hợp NPK, ...). Ưu tiên lựa chọn các loại phân lân được sản xuất từ nguồn quặng apatit/đá phốt phát có hàm lượng Cd thấp; Sử dụng phân bón hữu cơ có hàm lượng kim loại nặng dưới ngưỡng cho phép, ưu tiên sử dụng các phân bón hữu cơ sản xuất từ nguyên liệu chính là phụ phẩm cây trồng hơn các phân bón sản xuất từ nguyên liệu chính là bùn thải, rác thải đô thị, chất thải gia súc, gia cầm nuôi công nghiệp;

+ Bổ sung vôi: Đối với đất chua (có pH<5) cần bổ sung 2 - 3 kg vôi/cây/năm cho vườn sầu riêng vào giai đoạn sau thu hoạch. Bón vào đầu mùa mưa, rải đều trên mặt đất theo hình chiếu của tán cây hoặc ủ chung với phân chuồng rồi bón cho sầu riêng.

4.2.4. *Tỉa hoa*: cây sầu riêng thường ra nhiều đợt hoa, chỉ nên giữ lại đợt hoa nhiều nhất và tỉa thưa hoa của đợt này, tỉa bỏ hoa của các đợt khác.

4.2.5. *Thụ phấn bổ sung*: sử dụng chổi nylon (loại chổi nylon quét bụi), chổi nhựa, ... để quét cơ học lên nhị và nhụy hoa, thực hiện trong thời gian từ 18 - 22 giờ. Thụ phấn trong 3 - 5 đêm hoa nở tập trung nhất.

4.2.6. *Tỉa quả*

Lần 1: vào tuần thứ 2 hoặc thứ 3 sau khi đậu quả, cắt tỉa các loại quả đậu dày đặc trên chùm, quả bị méo mó, quả bị sâu bệnh;

Lần 2: vào tuần thứ 8 sau khi đậu quả, cắt tỉa các loại quả méo, không đủ ngắn và tỉa thưa quả;

Lần 3: vào tuần thứ 10 sau khi đậu quả, cắt tỉa quả có hình dạng không đặc trưng của giống, quả bị biến dạng, không đủ mùi.

4.2.7. Khắc phục hiện tượng sượng cơm, cháy

- Điều khiển ra hoa sớm, tập trung, đồng loạt;
- Vườn thoát nước tốt, tránh ngập úng;
- Hạn chế ra đợt non trong giai đoạn phát triển quả bằng cách phun MKP (0-52-34), 50 - 100 g/10 lít nước (hoặc KNO_3 liều lượng 150 g/10 lít nước), 7 - 10 ngày/lần, giai đoạn từ 3 - 12 tuần sau khi đậu quả;
- Phun phân bón lá có chứa Bo giai đoạn 2 - 3 tuần sau khi đậu quả;
- Phun $\text{Ca}(\text{NO}_3)_2$ 0,2% (8 tuần sau khi đậu quả). Phun MgSO_4 0,2% (2 tuần sau khi phun $\text{Ca}(\text{NO}_3)_2$). Phun KNO_3 1% (4 tuần trước khi thu hoạch).

4.2.8. Tưới nước

- Giai đoạn cây phát triển bộ lá cần tưới đủ ẩm. Có thể tưới hàng ngày hoặc tưới cách ngày trong mùa khô;
- Giai đoạn cây ra hoa (vào mùa khô) cần tưới nước cách ngày giúp hoa phát triển tốt, hạt phấn mạnh khỏe, sau đó giảm lượng nước bằng 2/3 vào 1 tuần trước khi hoa nở hoa (chu kỳ tưới cách ngày) để tăng thụ phấn và đậu quả;
- Sau đậu quả cần tưới nước, giữ ẩm tốt.

4.3. Cơ giới hóa trong sản xuất sầu riêng

- Thiết kế vườn thuận lợi cho áp dụng cơ giới hoá trong các khâu sản xuất;
- Sử dụng cơ giới khi chuẩn bị đất trồng (đào hố trồng, đào rãnh thoát nước, lên liếp, đắp bồn giữ nước, ...), máy xới đất để bón phân; vận chuyển phân bón, sản phẩm thu hoạch; máy phun thuốc BVTV, phân bón qua lá công suất lớn; ... ;
- Sử dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm, kết hợp bón phân hoặc thuốc BVTV.

5. Quản lý sinh vật gây hại

5.1. Quản lý sinh vật gây hại chính

5.1.1. Giai đoạn sau thu hoạch

a) Bệnh thối rễ (*Phytophthora palmivora*, *Fusarium solani*, *Pythium* sp.); bệnh cháy lá (*Colletotrichum zibethinum*, *Phomopsis durionis*, *Lasioidiplodia theobromae*).

Biện pháp phòng chống:

- Thoát nước tốt, không đọng nước trên bề mặt và xung quanh gốc;
- Rải vôi xung quanh tán cây;
- Tăng cường sử dụng phân hữu cơ hoai mục kết hợp với nấm đối kháng như: *Trichoderma* spp., xạ khuẩn *Streptomyces* sp., vi khuẩn *Bacillus amyloliquefaciens*, ... để quản lý các bệnh hại trong đất, đặc biệt là bệnh do nấm *Phytophthora* sp. gây hại;

- Chỉ sử dụng các loại thuốc BVTV có trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam như: hoạt chất Phosphorous acid, *Streptomyces lydicus*, *Dimethomorph*, ... Sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng và theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên nhãn.

b) Bệnh xì mủ thân (*Phytophthora palmivora*)

Biện pháp phòng chống:

- Rải vôi xung quanh tán cây và quét lên gốc cây 0,5 - 1,2m từ mặt đất (sử dụng vôi đậm đặc quét lên thân chính vào cuối mùa khô);

- Tăng cường sử dụng các loại phân hữu cơ, phân chuồng hoai mục kết hợp nấm đối kháng như: *Trichoderma* spp., xạ khuẩn *Streptomyces* sp., vi khuẩn *Bacillus amyloliquefaciens*, ... đặc biệt là bệnh xì mủ do nấm *P. palmivora* gây hại;

- Khi xuất hiện vết chảy nhựa, dùng dao cạo bỏ hết phần vỏ và gỗ bị thối nâu, sử dụng cọ quét thuốc có hoạt chất như: Fosetyl-aluminium, Mancozeb, *Dimethomorph*, ... có trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam;

- Phun phòng trừ: trong trường hợp phải sử dụng thuốc BVTV, cần tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng, đảm bảo thời gian cách ly trước khi thu hoạch. Chỉ sử dụng các loại thuốc BVTV nằm trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam, cách sử dụng:

+ Phun trên tán cây: sử dụng thuốc có hoạt chất Fosetyl-aluminium, Phosphorous acid, *Dimethomorph*, Mancozeb, ... Nên phun vào sáng sớm hoặc chiều mát với liều lượng thuốc BVTV được sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên nhãn;

+ Tưới gốc: sử dụng thuốc có hoạt chất Phosphorous acid tưới ướt toàn bộ vùng rễ. Tùy đường theo kính tán sử dụng lượng dung dịch thuốc tưới phù hợp, liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

5.1.2. Giai đoạn ra hoa

a) Bệnh thán thư (*Colletotrichum zibethinum*)

Biện pháp phòng chống:

- Tạo vườn thông thoáng, cắt bỏ và tiêu hủy những cành bị bệnh nặng;

- Giữ ẩm đất tốt, bón phân cân đối;

- Trong trường hợp phải sử dụng thuốc BVTV, cần tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng. Chỉ sử dụng các loại thuốc BVTV nằm trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam như: hoạt chất Propineb, Metiram Complex, Azoxystrobin, ... phun khi cây mới xuất hiện bệnh, liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

b) Bệnh xì mủ thân (*Phytophthora palmivora*)

Biện pháp phòng chống như điểm b mục 5.1.1 ở trên.

c) Sâu róm/sâu ăn bông (*Orgyia postica*)

Biện pháp phòng chống:

- Thường xuyên thăm vườn, phát hiện, thu gom và tiêu hủy chùm hoa bị sâu hại. Tỉa thưa chùm hoa;

- Tạo môi trường thuận lợi cho phát triển các loại thiên địch như: kiến sư tử, bọ ngựa và các loài nhện bắt mồi, ăn thịt ấu trùng và thành trùng sâu ăn bông,...

- Có thể sử dụng một số chế phẩm sinh học như vi khuẩn *Bacillus thuringiensis*, nấm xanh *Metarhizium anisopliae*, nấm trắng *Beauveria bassiana*, nấm tím *Paecilomyces* sp.

Hiện nay chưa có thuốc BVTV phòng trừ sâu róm ăn bông trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam.

5.1.3. Giai đoạn nuôi quả

a) Bệnh thối rễ (*Phytophthora palmivora*, *Fusarium solani*, *Pythium* sp.); bệnh xì mủ thân (*Phytophthora palmivora*); Bệnh thán thư (*Colletotrichum zibethinum*).

Biện pháp phòng chống như điểm a mục 5.1.1 ở trên.

b) Bệnh thối quả (*Sclerotium rolfsii*, *Phytophthora palmivora*)

Giai đoạn này quả có thể bị thối một bên quả (do nấm *P. palmivora* trên cả 2 giống sầu riêng Ri6 và DONA) hoặc bệnh thối đít quả (do nhiều nguyên nhân chủ yếu trên giống sầu riêng Ri6).

Biện pháp phòng chống:

- Bệnh thối một bên quả (do nấm *P. palmivora*): biện pháp phòng chống như điểm b mục 5.1.1 ở trên;

- Với bệnh thối đít quả: phun bổ sung phân bón lá có chứa hàm lượng canxi và kali cao. Khi cần sử dụng thuốc BVTV phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng, sử dụng các loại thuốc BVTV có hoạt chất Kasugamycin, Mancozeb trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam.

c) Rệp sáp (*Pseudococcus* sp., *Planococcus* sp.).

Biện pháp phòng chống:

- Sử dụng vòi phun nước áp lực cao phun lên quả bị rệp sáp, để rửa trôi rệp;
- Không trồng xen với cây trồng nhiễm rệp sáp như măng cầu, chôm chôm;
- Sử dụng bã diệt kiến dưới đất và trên các vị trí phân cành của cây sầu riêng (chẳng ba) để diệt kiến, hạn chế phát tán rệp sáp;

- Tạo môi trường phát triển một số loài thiên địch như: bọ rùa, bọ cánh màng, ... ;

- Tưới nấm ký sinh *Paecilomyces* sp. hoặc *Metarhizium* sp. 1 lần theo liều khuyến cáo (50g chế phẩm/5 lít nước/cây) xung quanh gốc cây;

- Khi cần sử dụng thuốc BVTV phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng. Sử dụng luân phiên các loại thuốc BVTV có hoạt chất Spirotetramat, Spinosad trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam.

d) Sâu đục quả (*Dichcrosis punctiferalis* (*Conogethes punctiferalis*))

Biện pháp phòng chống:

- Thăm vườn thường xuyên để phát hiện, thu gom và tiêu hủy những quả bị sâu hại. Tỉa bỏ quả kém phát triển trong chùm quả;

- Sử dụng đoạn gỗ/nhựa nhỏ để kê (chêm) giữa các quả đối với chùm nhiều quả;

- Tạo môi trường phát triển thiên địch như: kiến sư tử, bọ ngựa và các loài nhện bắt mồi và ăn thịt thành trùng sâu đục quả;

- Sử dụng thuốc BVTV có hoạt chất Flubendiamide trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam. Khi cần sử dụng thuốc BVTV phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng.

5.1.4. Một số đối tượng sinh vật gây hại khác

a) Sâu hại: xén tóc đục thân, cành; sâu đục thân; rầy xanh; rầy nhầy/rầy phấn; bọ trĩ; nhện đỏ; tuyến trùng; ...

b) Bệnh hại: bệnh đốm rong; bệnh nấm hồng, bệnh thối hoa; bệnh cháy lá chết ngọn; bệnh héo ngọn/chết ngược cành; ...;

Đối với một số loài sinh vật gây hại trên cây sầu riêng hiện nay chưa có thuốc BVTV nằm trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam., biện pháp phòng chống khuyến cáo như sau:

- Sử dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) nhằm kiểm soát sâu bệnh hại;

- Áp dụng biện pháp sinh học:

+ Khuyến khích các hoạt động bảo vệ quần thể thiên địch sâu hại như: bọ rùa (*Cryptolaemus* sp., *Scymnus bipunctatus*, *Scymnus uncinatus*, *Nephus bipunctatus*), nhện bắt mồi (*Lycosa* sp., *Oxyopes javannus*), ong ký sinh (*Annasius advena*), kiến sư tử (*Myrmeleontidae*), kiến vàng (*Oecophylla smaragdina*) để quản lý nhện đỏ, rệp sáp, sâu đục trái;

+ Đối với sâu hại: sử dụng một số chế phẩm sinh học như vi khuẩn *Bacillus thuringiensis*, nấm xanh *Metarhizium anisopliae*, nấm trắng *Beauveria bassiana*, nấm tím *Paecilomyces* sp. Các chế phẩm này có hiệu quả với nhiều loài sâu hại trên cây sầu riêng (sâu đục quả, bọ trĩ, rệp sáp, nhện đỏ, tuyến trùng, ...);

+ Đối với nấm bệnh: sử dụng các chế phẩm có thành phần vi sinh vật đối kháng như: nấm *Trichoderma* spp., xạ khuẩn *Streptomyces* sp., vi khuẩn *Bacillus*

amyloliquefaciens ủ với phân chuồng hoai mục bón cho cây để quản lý các bệnh hại trong đất.

Lưu ý: Vùng trồng sầu riêng xuất khẩu còn phải tuân thủ theo quy định về sử dụng thuốc BVTV của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhập khẩu (nếu có).

5.2. Quản lý cỏ dại

- Giữ các loại cỏ trong vườn như: cỏ lá tre (*Oplismenus burmannii*), cỏ cắt lơn (*Ageratum conyzoides*), mần ri (*Cleome* spp.), ... (ngoại trừ các loại cỏ thân có gỗ) để giữ ẩm cho đất trong mùa khô và chống xói mòn đất trong mùa mưa, giúp hệ vi sinh vật trong đất hoạt động tốt;

- Cắt cỏ khi cỏ phát triển mạnh, cắt cỏ 4 - 5 đợt/năm, kết hợp với các lần bón phân. Không nên sử dụng thuốc trừ cỏ.

6. Thu hoạch

- Căn cứ thời gian từ khi nở hoa để định ngày thu hoạch tùy từng giống. Giống khác nhau có thời gian thu hoạch khác nhau:

+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ:

Giống sầu riêng Ri6 thu hoạch từ 85 - 100 ngày sau khi nở hoa;

Giống sầu riêng DONA thu hoạch từ 110 - 130 ngày sau khi nở hoa.

+ Vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ:

Giống sầu riêng Ri6 thu hoạch từ 110 - 120 ngày sau khi nở hoa;

Giống sầu riêng DONA thu hoạch từ 125 - 135 ngày sau khi nở hoa.

- Về quan sát ngoại hình: quan sát khi đầu gai của quả có khoảng 3 mm chuyển sang màu vàng nâu, từ chuyên môn của nhà thu hoạch gọi là “cháy gai” là có thể thu hái. Bên cạnh đó còn có thể dựa vào các thông tin chỉ số khác để xác định độ chín như: kiểm tra gai quả sầu riêng với đầu gai chuyển nâu sậm và các gai trở nên linh hoạt dễ đẩy hướng vào nhau, tầng rời trên cuống phình ra rõ hơn, cuống quả ít cứng hơn hoặc linh hoạt hơn, các đường rãnh giữa các hộc xuất hiện rõ hơn và âm thanh phát ra từ quả khi gõ các dụng cụ lên bề mặt vỏ trở lên âm thanh không vang hoặc rỗng;

- Thời gian thu hoạch: nên thu hoạch lúc sáng sớm hoặc chiều mát, tránh thu hoạch sau cơn mưa hoặc khi trời có nhiều sương mù. Không thu hoạch sầu riêng vào thời điểm mưa nhiều sẽ gây hiện tượng sượng múi, khó chín, chất lượng kém;

- Cách thu hoạch: dùng dao cắt cả cuống quả sầu riêng và thả xuống sao cho không để quả bị rơi đập nát;

- Trong quá trình thu hoạch, vận chuyển không để quả tiếp xúc trực tiếp với đất; không để quả bị nắng hay mưa ướt; xếp quả vào từng dụng cụ chứa vừa phải (không quá nhiều quả tránh dập nát hoặc khó vận chuyển), giữa các quả được

chèn lót bằng các vật liệu mềm và vận chuyển nhanh chóng về nơi đóng gói (dụng cụ chứa và vật liệu chèn lót phải sạch).

Lưu ý: Thu hoạch sầu riêng phải đảm bảo thời gian cách ly thuốc bảo vệ thực vật theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

7. Sơ chế, bảo quản

- Quả sau khi thu hoạch được vận chuyển về nhà sơ chế; phân loại quả theo kích cỡ khối lượng, hình dạng, màu sắc, ... và độ chín theo yêu cầu của thị trường. Loại bỏ các quả nứt, không đạt yêu cầu, hư hỏng do tổn thương cơ học hay nhiễm sâu bệnh. Sử dụng nước sạch để rửa quả, hong khô trong mát;

- Trữ quả trên kệ hoặc để trên tấm lót ngăn cách với sàn nhà, nơi thoáng mát, tránh để quả thành đống cao;

- Chỉ xử lý thúc chín quả theo hướng dẫn của nhà chuyên môn và phù hợp với yêu cầu của nhà tiêu dùng.

8. Tổ chức thực hiện

- Trên cơ sở Quy trình canh tác này, Sở Nông nghiệp và Môi trường cụ thể hóa thành các quy trình canh tác của địa phương và phổ biến cho các tổ chức, cá nhân trồng sầu riêng;

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.